

BÁO CÁO
GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH,
THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch công tác năm 2026 của Kiểm soát viên Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn;

Căn cứ Báo cáo tài chính Quý II và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

Kiểm soát viên Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn lập báo cáo giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính 6 tháng đầu năm 2026 nội dung như sau:

1. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TY

a) Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

* Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty so với cùng kỳ 2 năm kề trước và so với kế hoạch năm 2026; cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 6 tháng đầu năm 2026	TH 6 tháng đầu năm 2025	TH 6 tháng đầu năm 2024
I	Sản lượng SX sản phẩm chủ yếu				
1	Khai thác gỗ rừng trồng	Tấn	49.685,96	19.512,53	17.863,49
II	Tổng doanh thu		72.953	34.713	31.639
1	Doanh thu SXKD		70.757	32.976	29.674
1.1	Khai thác gỗ và nhận khoán	Tr.đ	67.917	30.832	27.373
1.2	Cây con, cây cảnh các loại	Tr.đ	2.839	2.144	1.883
1.3	Khác	Tr.đ			418
2	D. thu hoạt động tài chính	Tr.đ	1.620	1.576	1.744
2.1	Lãi tiền gửi NH	Tr.đ	153	44	17
2.2	Từ góp vốn Cty P-H & NLG	Tr.đ	1.467	1.532	1.727
3	Thu nhập khác	Tr.đ	576	161	221

III	Tổng chi phí	Tr.đ	57.583	27.587	25.064
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đ	49.388	21.839	18.709
2	Chi phí QLDN	Tr.đ	7.570	5.558	6.250
3	Chi phí tài chính	Tr.đ	170	99	105
4	Chi phí bán hàng	Tr.đ	66	91	0
5	Chi phí khác	Tr.đ	389	0	0
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	15.370	7.126	6.575
V	Thuế TNDN	Tr.đ	2.781	1.119	970
VI	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	12.589	6.007	5.605

- Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ 2025 là 254,64%, so với cùng kỳ 2024 là 278,15% và so với kế hoạch năm là 82,81%.

- Về doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ 2025 là 210,16%, so với cùng kỳ 2024 là 230,58% và so với kế hoạch năm là 70,24%.

- Về lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ 2025 là 215,69%, so với cùng kỳ 2024 là 233,76% và so với kế hoạch năm là 133,45%.

- Về lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ 2025 là 209,57%, so với cùng kỳ 2024 là 224,6% và so với kế hoạch năm là 132,42%.

- Giá vốn hàng bán 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 là 226,15%; so với cùng kỳ năm 2024 là 263,98% và so với kế hoạch năm là 57,93%.

b) Tình hình tài chính của Doanh nghiệp đến ngày 30/06/2026:

Stt	Chỉ tiêu		Tại ngày 31/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
A	Tổng tài sản		95.521.997.893	86.940.139.621
1	Tiền & tương đương tiền	110	13.449.431.389	2.150.378.177
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	17.000.000.000	0
3	Các khoản phải thu	130	18.564.057.003	15.163.550.293
4	Hàng tồn kho	140	33.026.065.261	57.254.725.436
5	Tài sản ngắn hạn khác	160	1.527.273	139.352.312
6	Tài sản cố định	220	9.293.497.986	7.984.042.601
7	Đầu tư tài chính dài hạn	260	3.993.180.000	3.993.180.000
8	Tài sản dài hạn khác	270	194.238.981	254.910.802
B	Tổng nguồn vốn		95.521.997.893	86.940.139.621

1	Nợ ngắn hạn	310	35.064.479.730	32.759.951.586
2	Vốn chủ sở hữu	400	60.457.518.163	54.180.188.035
a	Vốn góp CSH	411	42.225.000.000	42.225.000.000
b	Vốn khác của chủ sở hữu	414	26.443.130	44.095.466
c	Quỹ đầu tư & phát triển	418	18.206.075.033	11.911.092.569
d	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		

Tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty ta thấy Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 85,89% so tổng tài sản, trong đó về cơ cấu TSNH cụ thể như sau:

+ Vốn bằng tiền hơn 30,449 tỷ đồng chiếm 37,11%.

+ Nợ phải thu hơn 18,564 đồng chiếm 22,63%.

+ Hàng tồn kho hơn 33,026 tỷ đồng chiếm 40,26% so với Tài sản ngắn hạn. Trong đó chủ yếu là hàng tồn kho chủ yếu CP dở dang rừng trồng, bảo vệ rừng, điều này là dễ hiểu được bởi vì Công ty hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp, toàn bộ giá trị rừng trồng sản xuất kinh doanh được phản ánh và theo dõi vào chi phí dở dang rừng trồng, đây là hoạt động kinh doanh chính mang lại hiệu quả cao của đơn vị.

- Tỷ suất lợi nhuận của Lợi nhuận thuần từ SXKD, hoạt động tài chính (trước thuế):

+ So với Doanh thu: 21,46%

+ So với Nguồn vốn Chủ sở hữu: 28,05%.

- Tỷ suất lợi nhuận của Tổng lợi nhuận trước thuế so với Nguồn vốn Chủ sở hữu bình quân: 26,48%.

Hiệu quả sử dụng vốn của công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 được đánh giá qua các chỉ tiêu như sau:

- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH bình quân = 21,69%

- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản = 13,18%

- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Vốn Chủ sở hữu so với Kế hoạch tài chính 2026 được giao là 16,82% đạt 128,95%.

Khả năng thanh toán của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 được đảm bảo:

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (chung): 2,34

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 0,87

Công ty không có nợ dài hạn (nợ phải thu và nợ phải trả).

Các chỉ tiêu cân đối nợ phải thu và nợ phải trả của công ty đều nằm trong phạm vi an toàn cho phép:

- Tỷ lệ Nợ phải thu so với Toàn bộ Tài sản là 19,43% và so với Tài sản lưu động ngắn hạn là 22,63%.

- Tỷ lệ Nợ phải trả so với Toàn bộ Tài sản là 36,71% và so với Tài sản lưu động ngắn hạn là 42,74%.

- Tỷ lệ Nợ phải trả so với Nguồn vốn Chủ sở hữu là 58,00% và so với Vốn điều lệ là 83,04%.

c) Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

Đầu tư vốn ra ngoài Công ty đến ngày 30/6/2026 là 3.993.180.000 đồng, trong đó góp vốn hình thành Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn 2.695.000.000 đồng (tỷ lệ vốn góp là 11%), góp vốn liên doanh vào Công ty CP Pisico Hà Thanh là 1.298.180.000 đồng (tỷ lệ 5,45%).

Trong 6 tháng đầu năm 2026 Công ty thu lợi nhuận từ đầu tư góp vốn ra ngoài doanh nghiệp với số tiền là 1.467.454.000 đồng đạt 36,75% so với tổng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn là 1.078.000.000 đồng đạt 40% và Công ty cổ phần PISICO – Hà Thanh là 389.454.000 đồng đạt 30%).

Trong việc quản lý và sử dụng tài sản, công ty mở sổ sách kế toán theo dõi chi tiết TSCĐ và tài sản lưu động; thực hiện kiểm kê TSCĐ và tiền mặt tồn quỹ, tiền gửi ngân hàng, nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho theo định kỳ; thực hiện trích KHCB TSCĐ theo chế độ quy định; thực hiện cấp phát vật liệu, nhiên liệu theo định mức; xuất công cụ dụng cụ theo tình hình thực tế; căn cứ vào định mức ban hành của Nhà nước và tình hình thực tế trong hoạt động SXKD để thực hiện việc giao khoán khi tổ chức trồng, chăm sóc và khai thác rừng trồng; thực hiện mua bảo hiểm tài sản là phương tiện vận tải; và sử dụng vốn có hiệu quả.

Về quản lý nợ, Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết từng đối tượng nợ phải thu, nợ phải trả. Công ty đã tổ chức thực hiện công tác kiểm kê định kỳ và đối chiếu công nợ phải thu và công nợ phải trả.

d) Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty chấp hành đầy đủ các quy định về chính sách thuế, thực hiện nghĩa vụ nộp các loại thuế vào ngân sách Nhà nước đầy đủ và đúng thời hạn quy định. Công ty cũng đảm bảo việc thực hiện các chế độ cho người lao động, đóng KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN đủ và đúng kỳ hạn; đảm bảo chi trả kịp thời tiền lương và thu nhập khác cho người lao động.

đ) Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty tiến hành thực hiện các dịch vụ công ích năm 2026 cho Dự án bảo vệ và phát triển rừng bao gồm việc thiết kế dự toán các hạng mục trồng rừng thay thế, chăm sóc rừng trồng, duy tu đường ranh cản lửa, quản lý bảo vệ rừng...; đến nay đã thực hiện các công việc chăm sóc rừng thay

thể giai đoạn 1 với diện tích 272,39 ha và duy tu đường ranh cản lửa với chiều dài 0,84 km.

e) Tình hình công tác QLBV và khai thác yến sào

Thực hiện Quyết định số 4360/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án tổ chức bán đấu giá sản phẩm yến sào Bình Định. Công ty đã tổ chức đấu giá bán sản phẩm yến và thực hiện hạch toán đầy đủ các chi phí liên quan và nộp thuế tài nguyên theo quy định của Nhà nước. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản lỗ của hoạt động bảo vệ và khai thác yến khai thác năm 2023 và năm 2024 là 2.298.476.922 đồng (Công ty đang tạm theo dõi trên tài khoản phải thu khác chờ xử lý).

Thực hiện Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt phương án đấu giá sản phẩm yến sào sau khai thác năm 2025. Công ty đã tổ chức đấu giá bán sản phẩm yến và thực hiện hạch toán đầy đủ các chi phí liên quan và nộp thuế tài nguyên theo quy định của Nhà nước. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản lỗ của hoạt động bảo vệ và khai thác yến khai thác năm 2025 là 1.595.857.683 đồng (Công ty đang tạm theo dõi trên tài khoản phải thu khác chờ xử lý).

Lũy kế lỗ của hoạt động này trong 6 năm là 3.894.334.605 đồng. Khoản lỗ này công ty đã báo cáo nhưng đến nay chưa có cơ chế bù đắp từ ngân sách.

Công ty tiếp tục triển khai tổ chức việc quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi yến sào theo kế hoạch được duyệt. Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty đã triển khai khai thác Yến sào được 01 kỳ dưới sự giám sát khai thác của tổ giám sát, với tổng sản lượng được 22,15 kg (21,07 kg tổ nguyên và 1,08 kg tổ vụn).

Chi phí phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2026 là: 2.029.943.381 đồng, Công ty hạch toán các khoản chi nêu trên vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

i) Tình hình đầu tư xây dựng và mua sắm

- Cải tạo nhà nghỉ trưa công nhân Đội SXCG: 115.445.000 đồng.
- Mở rộng nhà huấn luyện nuôi cấy mô: 120.300.000 đồng
- Máy đóng bầu tự động: 192.150.000 đồng.
- Nồi hấp tiệt trùng KITA-350NT: 381.800.000 đồng
- Xe ô tô tải FORD RANGER XLS2.OL 4*4AT: 865.383.380 đồng
- Sửa chữa nhà kho - nhà bếp, sửa chữa hồ nước và mái đánh: 74.638.000 đồng.

k) Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đó của [Chủ sở hữu/Kiểm toán/ Thanh tra/ cơ quan quản lý TCDN]

Theo các kiến nghị tại biên bản Kết luận kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2024 của Sở Tài Chính tỉnh Bình Định ngày 28 tháng 02 năm 2025 đã tiến hành

kiểm tra về nội dung quản lý, sử dụng vốn và tài sản, về thực hiện công tác quản lý tài chính tại Công ty.

Đối với khoản phải trả ngân sách nhà nước là 13.081.882.857 đồng, Công ty đã thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước là 9.055.128.570 đồng (theo đề nghị của Công ty tại văn bản số 56/CV-LNQN ngày 09/4/2025 và hướng dẫn của Sở Tài chính tại văn bản số 1129/STC-ĐKKD ngày 23/4/2025). Các khoản nợ còn lại 4.026.754.287 đồng, trong năm 2026 Công ty tiếp tục cân đối nộp theo đề nghị của Công ty tại Công văn số 281/CV-LNQN ngày 26/12/2025.

l) Tình hình công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định

Công ty đã thực hiện tốt công tác công bố thông tin theo nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ và Điều 13 của Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Thủ tướng Chính Phủ đảm bảo đúng theo yêu cầu và thời gian quy định.

2. KẾT LUẬN

Trong 6 tháng đầu năm 2026, có nhiều khó khăn thách thức đối với nền kinh tế do ảnh hưởng cuộc xung đột Nga - Ukraine, xung đột Israel - Palestine, đặc biệt gần đây là cuộc xung đột biên giới giữa Campuchia - Thái Lan cùng với Chính sách thuế quan mới của Mỹ và cuộc cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới cũng tác động đến thị trường trong nước nói chung và tình hình kinh doanh của Công ty nói riêng, cùng với sự diễn biến bất thường của thời tiết, ảnh hưởng của cơn bão số 13 và lũ lụt trong tháng 11/2025, giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công tại các thời điểm tăng đột biến... đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng với sự đoàn kết gắn bó và nỗ lực không ngừng trong toàn Công ty đã tích cực khắc phục những khó khăn và hoàn thành kế hoạch được giao, khối lượng sản xuất kinh doanh nâng cao dần, đảm bảo tình hình tài chính an toàn, thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ công ích, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

Phân loại doanh nghiệp – An toàn về tài chính ☒

Trên đây là báo cáo giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của Kiểm soát viên tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Chủ tịch Công ty;
- Lưu: VTh, KSV.

KIỂM SOÁT VIÊN



Nguyễn Duy Tân